

Dettaglio SA 9804

Codice SA	9804
Descrizione	Động vật giáp xác, đã được hun khói.
Unità	
Generato il	01/11/2026 16:03:43
Versione dei dati	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Stato della verifica	Dati tariffari verificati rispetto al file di origine; consigli/corrispondenze indicativi; ammissibilità ALS non verificata.
Link	https://www.vietnamtariff.com/hs-code/9804/

14 righe tariffarie sotto 9804

Codice SA	Descrizione	Unità	Dazio all'importazione ordinario	MFN	VAT
9804.15.00	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm hùm Na Uy (Nephrops norvegicus)		40,5%	27%	Nessun dato
9804.16.00	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn nước lạnh (Pandalus spp., Crangon crangon)		40,5%	27%	Nessun dato
9804.17.11	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn khác: / - - - Tôm sú (Penaeus monodon): / - - - - Đã bỏ đầu		40,5%	27%	Nessun dato
9804.17.19	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn khác: / - - - Tôm sú (Penaeus monodon): / - - - - Loại khác		40,5%	27%	Nessun dato
9804.17.21	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn khác: / - - - Tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei): / - - - - Đã bỏ đầu, còn đuôi		40,5%	27%	Nessun dato
9804.17.22	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn khác: / - - - Tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei): / - - - - Đã bỏ đầu, bỏ đuôi		40,5%	27%	Nessun dato
9804.17.29	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn khác: / - - - Tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei): / - - - - Loại khác		40,5%	27%	Nessun dato
9804.17.30	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn khác: / - - - Tôm càng xanh (Macrobrachium rosenbergii)		40,5%	27%	Nessun dato

Codice SA	Descrizione	Unità	Dazio all'importazione ordinario	MFN	VAT
9804.17.90	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Tôm shrimps và tôm prawn khác: / - - - Loại khác		40,5%	27%	Nessun dato
9804.19.00	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Loại khác, kể cả bột thô, bột mịn và viên của động vật giáp xác, thích hợp dùng làm thức ăn cho người		40,5%	27%	Nessun dato
9804.19.00	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Đông lạnh: / - - Loại khác, kể cả bột thô, bột mịn và viên của động vật giáp xác, thích hợp dùng làm thức ăn cho người		40,5%	27%	Nessun dato
9804.28.11	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Loại khác: / - - Tôm shrimps và tôm prawn: / - - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ: / - - - - Còn vỏ, đã hấp chín hoặc luộc chín trong nước		40,5%	27%	Nessun dato
9804.28.19	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Loại khác: / - - Tôm shrimps và tôm prawn: / - - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ: / - - - - Loại khác		40,5%	27%	Nessun dato
9804.28.90	Động vật giáp xác, đã được hun khói. / - Loại khác: / - - Tôm shrimps và tôm prawn: / - - - Loại khác		40,5%	27%	Nessun dato

Questo rapporto è a scopo informativo ed è generato dai dati tariffari di origine e dalle regole di consulenza. Non costituisce una decisione doganale e non conferma la classificazione SA, l'ammissibilità all'ALS né la validità giuridica. L'utente deve verificare rispetto alla normativa vigente.